TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19/3/2019
V/v: Tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hải Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tẩn Thị Thanh.
2. Ông Lê Xuân Chính.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 4 tháng 3 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST –HNGĐ ngày 12/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lù Thị T.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vàng Văn M.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 8 tháng 12 năm 2018 và bản tự khai ngày 21/12/2018 nguyên đơn chị Lù Thị T trình bày: Chị và anh Vàng Văn M lấy nhau năm 2011 và đến ngày 30/10/2013 mới đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Trước khi kết hôn anh, chị có tìm hiểu tự nguyện không ai bị ép buộc, thời gian đầu vợ, chồng sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 5 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ,chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Đến tháng 9 năm 2017 anh M bỏ về nhà anh trai ở Thôn N xã C, huyện Mường Khương, hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Vì vậy chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vàng Văn M.

Về con: Trước khi kết hôn chị có một người con riêng tên là Nghề Thị A sinh ngày 20/3/2010 hiện nay cháu Ánh đang ở với chị, nguyện vọng của chị muốn chăm nom, nuôi dưỡng cháu A đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu A vì cháu ánh là con riêng của chị. Sau khi lấy nhau về sinh được một người con chung là Vàng Văn H sinh ngày 29/10/2012, nguyện vọng của chị nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn chị xin chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu H.

Về tài sản: Trước khi kết hôn anh, chị không ai có tài sản riêng. Sau khi lấy nhau về chưa tạo dựng được một số tài sản nhưng anh,chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ : Chị và anh M tự thỏa thuận. Vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/01/2019 bị đơn anh Vàng Văn M trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn giữa anh và chị Lù Thị T là đúng, đến năm 2017 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau và đã được chính quyền hòa giải nhưng không hàn gắn được. Anh M cho rằng vợ chồng tình cảm cũng không còn, chị T làm đơn ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con: Anh và chị T trước khi kết hôn chị T có một người con riêng tên là Nghề Thị A sinh ngày 29/3/2010 nguyện vọng của anh đó là con riêng của chị T nên chị T có trách nhiệm chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Sau khi lấy nhau về anh, chị sinh được một người con chung là Vàng Văn H sinh ngày 29/10/2012 hiện nay cháu H đang ở với chị T. Nguyện vọng của anh nếu Tòa giải quyết ly hôn với chị T thì anh xin được chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu H.

Về tài sản: Anh và chị T không ai có tài sản riêng gì, tài sản chung có một số tài sản nhưng đã tự thỏa thuận, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Anh và chị T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn Vàng Văn M theo quy định tại điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thông báo hòa giải hai lần tống đạt hợp lệ nhưng anh M cố tình không đến tham gia hòa giải và không có lý do.Vụ án không hòa giải được vì bị đơn anh Vàng Văn M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt theo quy định tại khoản 1 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 12/3/2019 Tòa án đưa vụ án ra xét xử mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn Vàng Văn M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định ngày xét xử và tống đạt hợp

lệ nhưng bị đơn Vàng Văn M không có mặt vì vậy Hội đồng xét xử Áp dụng điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lù Thị T và anh Vàng Văn M xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011 và đăng ký kết hôn vào ngày 30/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đó là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nhưng trong quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Tòa án ra thông báo hòa giải hai lần và tống đạt hợp lệ nhưng anh M không đến Tòa án hòa giải và không có lý do chính đáng. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt hợp lệ nhưng anh M không tham gia tố tụng cố tình vắng mặt không có lý do, Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định ngày xét xử nhưng bị đơn Vàng Văn M không có mặt tham gia phiên tòa nên áp dụng điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống sau này của mỗi người, chị T đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vàng Văn M là có cơ sở, cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3]. Về con: Trước khi kết hôn chị T có một người con riêng tên là Nghề Thị A sinh ngày 29/3/2010 hiện nay đang ở với chị. Nguyện vọng của chị khi ly hôn với anh M chị sẽ chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A đến tuổi trưởng thành vì cháu A là con riêng của chị, nên giao cháu A cho chị Lù Thị T chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục.

Trong thời gian chung sống, chị T và anh M sinh được một người con chung là cháu Vàng Văn H sinh ngày 29/10/2012. Nguyện vọng của chị T nếu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh M chị xin chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu H. Còn nguyện vọng của anh M nếu xin ly hôn, anh sẽ xin nuôi dưỡng, giáo dục cháu H đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu H. Tòa xét thấy hiện nay cháu Vàng Văn H đang ở với chị T tại Thôn N, xã C, huyện Mường Khương. Vì vậy nên giao cháu H cho chị T chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Tòa án yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, anh M cung cấp mức thu nhập của Ủy ban nhân dân xã C xác nhận là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng, còn chị T cung cấp mức thu nhập mà Ủy ban nhân dân xã C xác nhận là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng. Như vậy chị T có thu nhập cao hơn và đủ điều kiện chăm nom, nuôi dưỡng cháu Ánh và cháu H. Vì vậy nên giao hai cháu Nghề Thị A sinh ngày 29/3/2010(con riêng chị T) và cháu Vàng Văn H sinh ngày 29/10/2012 (Con chung của anh,chị) cho chị Lù Thị T chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Nên áp dụng khoản 1,2 điều 81; Khoản 1,3 Điều 82; Khoản 1,2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[4]. Về tài sản: Chị T và anh không có tài sản riêng, tài sản chung và khoản nợ tự thỏa thuận vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5].Về án phí: Chị Lù Thị T là hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 của Nghị Quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện viện kiểm sát có ý kiến như sau:

+,Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về công tác xây dựng hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của phiên tòa sơ thẩm, không vi phạm thủ tục tố tụng.

+, Về hướng giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn và những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp trong quá trình giải quyết vụ án.Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh M có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Tòa án ra thông báo hòa giải hai lần và tống đạt hợp lệ nhưng anh M không đến Tòa hòa giải và không có lý do chính đáng. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt hợp lệ nhưng anh M không tham gia tố tụng cố tình vắng mặt không có lý do, Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định ngày xét xử nhưng bị đơn Vàng Văn M không có mặt tham gia phiên tòa nên áp dụng điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống sau này của mỗi người, Chị T đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vàng Văn M là có cơ sở, cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết là phù hợp.

Về con riêng là cháu Nghề Thị A chị Lù Thị T tự chăm sóc, giáo dục chị T không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

Về con chung: Căn cứ vào ý kiến của các bên (chị T muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con; còn ý kiến của anh M muốn nuôi dưỡng, giáo dục cháu H). không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu H. Xét thấy hiện nay cháu Vàng Văn H đang ở với chị T tại Thôn N, xã C, huyện Mường khương. Vì vậy giao cháu H cho chị T chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Các đương sự có đơn xác nhận thu nhập của chính quyền địa phương, anh M cung cấp mức thu nhập là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng, còn chị T cung cấp mức thu nhập là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng. Như vậy chị T có thu nhập cao hơn và đủ điều kiện chăm nom, nuôi dưỡng , giáo dục cháu H tốt hơn. Vì vậy nên giao Vàng Văn H sinh ngày 29/10/2012 cho chị Lù Thị T chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Nên áp dụng khoản 1,2 điều 81; Khoản 1,3 Điều 82; Khoản 1,2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Về tài sản, các khoản công nợ: Chị Lù Thị T và anh Vàng Văn M không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nghị quyết 236 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 tuyên về án phí đối với các đương sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56 ; Khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; khoản 1,2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình. Điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xử:

Về hôn nhân: Chị Lù Thị T được ly hôn anh Vàng Văn M.

Về Con: Giao cháu Nghề Thị A sinh ngày 29/3/2010 và cháu Vàng Văn H sinh ngày 29/10/2012 cho chị Lù Thị T chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), Anh M không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho cháu H. Anh Vàng Văn M có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Chị Lù Thị T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Chị Lù Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vàng Văn M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh+ huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu tập án
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đặng Hải Quân

-